TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1077/2018/HNGĐ-PT.
Ngày: 22/11/2018.
Vụ án: "Tranh chấp xác định cha, mẹ cho con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Cao.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21/5/2018 về "Tranh chấp xác định cha, mẹ cho con".

Do bản án sơ thẩm số 304/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4354/2018/QĐPT-DS ngày 25/9/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 8600/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1958; Địa chỉ: quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn D, Luật sư Văn phòng Luật sư Xuân Nghĩa - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Cao Thị N1, sinh năm 1948; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2.2. Ông Cao Văn N, sinh năm 1952; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2.3. Bà Cao Thị N3, sinh năm 1958; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2.4. Bà Cao Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2.5. Ông Cao Văn U, sinh năm 1966; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Cao Thị N4, sinh năm 1950; Địa chỉ : quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn N5, sinh năm 1963; Địa chỉ: quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Nội dung và quá trình giải quyết vụ án:

1. Ngày 21/01/2014, Toà án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý hồ sơ việc dân sự số 53/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2014 về việc "Truy nhận cha, mẹ cho con" của ông Nguyễn Công T xin xác nhận cha là ông Cao Văn T1, mẹ là bà Lê Thị M.

Căn cứ tờ cam kết ngày 01/10/2013, các ông bà Cao Văn U, Cao Văn N, Cao Thị N2, Cao Thị N3, Cao Thị N4, Cao Thị L ký có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ; Tờ tường trình của các ông bà Cao Thị N3, Cao Thị N4, Cao Văn U, Cao Thị L có xác nhận chữ ký đều xác định ông Tạo là anh em cùng cha cùng mẹ.

Toà án Toà án nhân dân quận Đ đã hướng dẫn đương sự rút đơn, liên hệ Ủy ban nhân dân phường lập khai sinh trễ hạn, đình chỉ giải quyết vụ án.

Ủy ban nhân dân phường không giải quyết lý do ông Cao Văn T và bà Lê Thị M đã chết, không thuộc thẩm quyền.

2. Ngày 13/01/2015, nguyên đơn nộp lại đơn khởi kiện. Ngày 27/01/2015, Toà án nhân dân quận Đ có thông báo trả lại đơn khởi kiện lý do không thuộc thẩm quyền. Nguyên đơn khiếu nại. Chánh án Toà án nhân dân quận Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại số 19/2015/TAQTĐ ngày 20/4/2015, không chấp nhận khiếu nại.

Nguyên đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại. Chánh án Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 252/QĐ-TATP ngày 20/7/2015 chấp nhận việc khiếu nại của nguyên đơn, buộc Toà án nhân dân quận Đ nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết.

3. Ngày 08/10/2015 Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý việc dân sự "Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con". Ngày 14/4/2016 Tòa án nhân dân quận Đ ra Quyết định số 329/2016/QĐ-VDS giải quyết yêu cầu về việc "Xác định cha, mẹ cho con", công nhận ông Nguyễn Công T là con của ông Cao Văn T1 và mẹ là bà Lê Thị M

Các đương sự kháng cáo. Ngày 08/7/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã xác định đây là vụ án dân sự, nên hủy Quyết định giải quyết viêc dân sự số 329/2016/QĐ-VDS ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân quận Đ.

4. Ngày 19/8/2016, Toà án nhân dân quận Đ thụ lý lại vụ án dân sự số 260/2016/HNGĐ "Tranh chấp xác nhận cha, mẹ cho con".

Nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông là Cao Văn T1 (1923- 2009) và bà Lê Thị M (1926-1995) có 08 người con: Cao Thị N ; Cao Thị N1; Cao Văn N2; Cao Văn K (Nguyễn Công T); Cao Thị N3; Cao Văn M (chết năm 2013); Cao Thị L và Cao Văn .U

Khi sinh ra ông T được đặt tên là Cao Văn K (sinh năm 1954) nhưng giấy khai sinh ghi sai họ của ông và mẹ ông là họ Nguyễn. Vì sợ đi quân dịch nên cha mẹ ông T lấy giấy khai sinh của ông Nguyễn Công T sinh 29/03/1958, con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Th để cho ông sử dụng đến nay, còn ông Nguyễn Công Tạo thật lấy tên khác là Nguyễn Văn N5.

+ Bị đơn trình bày:

- Bà Cao Thị N1: Ông Nguyễn Công T sống chung với gia đình bà từ nhỏ, cha mẹ bà yêu thương, chăm sóc và đối xử với ông Tạo như con trong nhà. Tuy nhiên, ông T không phải là con ruột của cha mẹ bà. Ngày 01/10/2013 tất cả anh chị em ký xác nhận ông T là con ruột của ông T và bà M tại UBND phường L vì ông T nói nếu ký xác nhận trên thì ông T sẽ ký thỏa thuận bán một thửa đất của ông T và bà M để lại cho các anh chị em chứ anh chị em bà không công nhận ông T là anh chị em ruột (biên bản hòa giải ngày 08/03/2018). Ngoài ra, trong các tờ khai nhân khẩu gia đình năm 1962, 1976 không có tên Cao Văn K (Nguyễn Văn K) sinh 1954 như ông T khai nên bà không đồng ý với các yêu cầu của ông T đưa ra. Đối với yêu cầu khai quật mộ của ông T và và bà Mđể tiến hành giám định ADN, bà không đồng ý cho người nào khác tiến hành thủ tục khai quật mộ của cha mẹ mình để tiến hành giám định ADN.

- Các bị đơn: Ông Cao Văn N, bà Cao Thị N3, bà Cao Thị L, và ông Cao Văn U đều có cùng ý kiến với bà Cao Thị N1.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị N4: có cùng ý kiến với bà Cao Thị N1.

- Ông Nguyễn Văn N5: Ông xác nhận ông Nguyễn Công T và ông có đổi giấy khai sinh để trốn đi lính, còn việc ông T có phải là anh chị em ruột của của bà N1, bà N2, bà L, ông N, ông U, bà N4 hay không, ông hoàn toàn không biết.

Bản án số 304/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 của Toà án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định ông Cao Văn T(1923-2009) và bà Lê Thị M (1926-1995) là cha, mẹ ruột của ông Nguyễn Công T;

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 20/4/2018, nguyên đơn kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn hoàn trả ½ chi phí giám định là 16.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải hoàn trả ½ chi phí giám định là 16.750.000đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Chứng cứ khoa học là kết luận giám định ADN giữa ông T, ông N, ông U có cùng huyết thống theo dòng cha, dòng mẹ, kết luận giám định ADN giữa ông T và ông N5 không có cùng huyết thống phù hợp với các chứng cứ khác về việc ông T1 thừa nhận ông T là con, các anh chị em đều thừa nhận ông Tạo là anh em ruột, phù hợp việc ông Tạo đã ở trong căn nhà mà các anh chị em đang tranh chấp từ nhỏ đến nay đủ để chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, chủ quan khi nhận định nguồn chứng cứ, từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không thuyết phục, không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xác định ông Nguyễn Công T là con ruột của ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M và hoàn trả ½ tiền chi phí giám định mà ông T đã tạm ứng trước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục: quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Nguyễn Công T trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào văn bản trả lời số 70/CV-C54B ngày 07/02/2018 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh để cho rằng kết luận giám định định 617/C54B ngày 03/03/2016 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có cơ sở xác định ông Nguyễn Công T, ông Cao Văn N, ông Cao Văn U có cùng huyết thống dòng cha, dòng mẹ chứ chưa có căn cứ xác định ông T là con của ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M, đồng thời cấp sơ thẩm còn cho rằng các văn bản cam kết mà các đương sự đã ký thoả thuận không được Toà án công nhận không có giá trị pháp lý trên cơ sở đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngoài những chứng cứ này, trong hồ sơ còn có nhiều chứng cứ khác quan trọng chứng minh mối quan hệ nhân thân của ông T phù hợp với kết luận giám định nên có căn cứ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Thủ tục người đại diện theo uỷ quyền và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn giá trị ở giai đoạn phúc thẩm. Toà án yêu cầu bổ sung thủ tục nhưng được thông báo không tiếp tục tham gia vụ án. Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4354/2018/QĐ-PT ngày 25/9/2018, ấn định thời gian mở phiên toà là 08 giờ 00 ngày 23/10/2018. Quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Ngày 23/10/2018, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Toà án đã hoãn phiên toà lần thứ nhất theo quy định pháp luật. Quyết định hoãn phiên toà số 8600/2018/QĐ-PT ngày 23/10/2018 ấn định thời gian mở phiên toà là 08 giờ 00 ngày 22/11/2018 đã được tống đạt hợp lệ, nhưng hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

- Đối với chứng cứ là giấy thoả thuận của các anh chị em ngày 27/6/2012 (BL263), cam kết của các anh chị em ngày 01/10/2013, tường trình của các ông bà Cao Thị N1, Cao Thị N2, Cao Văn U, Cao Thị L ký có chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ xác nhận ông T là con của ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M (BL94-98). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 3835/TATP-TGĐVNCTN ngày 09/7/2018 gửi Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu xác minh thẩm quyền người ký tên đóng dấu chứng nhận tại các văn bản trên. Kết quả trả lời: "Các văn bản nêu trên được lập tại Ủy ban nhân dân phường L. Đồng thời, tại thời điểm chứng thực bà Hoàng Thị E là người giữ và có thẩm quyền chứng thực ký tên đóng dấu sự việc nêu trên".

Cấp sơ thẩm cho rằng các văn bản có nội dung cam kết, thoả thuận trên không có giá trị vì không được Toà án công nhận là sai lầm khi đánh giá chứng cứ. Đây là chứng cứ có giá trị chứng minh một sự thật được các đương sự thừa nhận có sự xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm đó, các đương sự không có tranh chấp, không khởi kiện thì không thể yêu cầu các văn bản cam kết, sự thoả thuận phải được Toà án công nhận.

- Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào văn bản trả lời số 70/CV-C54B ngày 07/02/2018 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh để cho rằng kết luận giám định định 617/C54B ngày 03/03/2016 của Phân Viện khoa

học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có cơ sở xác định ông T, ông N, ông U cùng huyết thống dòng cha, dòng mẹ chứ không là căn cứ xác định ông T là con của ông T1, bà M, mà muốn xác định ông T có phải là con của ông T1, bà M hay không cần phải giám định ADN của 03 người. Việc giám định này không thể thực hiện do các đương sự từ chối khai quật mộ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, căn cứ chính xác nhất, khoa học nhất để xác định ông Nguyễn Công T có phải là con ruột của ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M hay không là việc giám định ADN của ba người này. Tuy nhiên, không đồng nghĩa với việc nếu không thể khai quật mộ của ông T1, bà M lấy AND để trưng cầu giám định thì không có cơ sở xác định mối quan hệ huyết thống của họ.

Ngoài kết quả giám định ADN, sự thừa nhận của các ông bà Cao Thị N1, Cao Thị N2, Cao Văn U, Cao Thị L có sự chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm chưa xảy ra tranh chấp còn có các chứng cứ khác có trong hồ sơ: bản khai nhân khẩu của ông Nguyễn Công T ngày 10/9/1976, ông khai tên cha là ông Cao Văn T1, mẹ là Lê Thị M (BL266); Tờ đơn xin cho con của ông Cao Văn N cho trẻ Cao Văn Th, sinh ngày 04/5/1988 cho ông Nguyễn Công T làm con nuôi có Uỷ ban nhân dân Phường X, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận, ông N thừa nhận ông T là em ruột của ông (BL255-256); Giấy chứng nhận tạm trú ngày 01/10/1976 có xác nhận ông Nguyễn Công T là con của chủ hộ là ông Cao Văn T1 có vợ là bà Lê Thị M (BL91); Bản khai nhân khẩu của ông Cao Văn T1 ngày 15/9/1976 ông ký tên xác nhận, có nội dung ông Nguyễn Công Tlà con ruột (BL89); Biên bản hoà giải của Toà án nhân dân quận Đ ngày 07/8/2014, ông Ni xác định không tranh chấp, công nhận ông Nguyễn Công T là em ruột cùng cha cùng mẹ với ông (BL88);

Đồng thời nguyên đơn còn bổ sung: Quyết định công nhận thoả thuận của các đương sự số 243/2018/QĐST-DS ngày 21/5/2018 của Toà án nhân dân quận Đ vụ án "Tranh chấp tài sản thừa kế", các đương sự đều thống nhất xác định ông T là hàng thừa kế của ông T1, bà M; kết quả giám định AND của Công ty TNHH Di truyền IDNA ngày 07/7/2018 xác định ông Nguyễn Công T và ông Nguyễn Văn N5 là hai người có giấy khai sinh tên cha là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Th "...không cùng hệ gen trên NSTY và không có mối quan hệ huyết thống dòng nội với xác suất là 0.00%";

Như vậy, kết quả giám định của Phân viên khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh số 617/C54B ngày 03/03/2016, kết quả giám định của Công ty TNHH Di truyền IDNA ngày 07/7/2018 là kết quả giám định ADN bắc cầu xác định mối quan hệ huyết thống giữa ông Nguyễn Công T và ông Cao Văn N, ông Cao Văn U và mối quan hệ giữ ông Nguyễn Công T và ông Nguyễn Văn N5 phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Do đó, đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Công T và ông Nguyễn Văn N5 mặc dù hai người có giấy khai sinh cùng cha, cùng mẹ là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Th nhưng không có quan hệ huyết thống; đủ cơ sở xác định ông

Nguyễn Công T và ông Cao Văn N, ông Cao Văn U có cùng huyết thống là anh em cùng cha, cùng mẹ.

Ông Cao Văn N có đăng ký khai sinh tại Toà sơ thẩm Sài gòn ngày 05/12/1961 và bản thế vị khai sinh số 5034/NĐ ngày 25/10/2013 có tên cha là ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M. Dó đó, cũng xác định ông Nguyễn Công T có tên là ông Cao Văn T1 và mẹ là bà Lê Thị M.

Căn cứ những nhận định trên, cần sửa án sơ thẩm theo quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự bị đơn phải chịu chi phí giám định. Do đó, yêu cầu hoàn ½ tiền trưng cầu giám định của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 4 Điều 28, Điều 273, Điều 276, Điều 293, và khoản 2 Điều 308, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 48, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 2 Điều 27, 1 mục I Danh mục mức án phí lệ phí, Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2009.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 304/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1 Chấp nhận yêu cầu xin xác định cha, mẹ của ông Nguyễn Công T.

2.2 Xác định ông Nguyễn Công T, sinh năm 1958, nơi cư trú: phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là con ruột của ông Cao Văn T1, sinh năm 1923, chết ngày 25/7/2009, nơi cư trú cuối cùng: phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Lê Thị M, sinh năm 1926, chết ngày 03/6/1995, nơi cư trú cuối cùng: phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Ông Nguyễn Công T được quyền liên hệ với Cơ quan hộ tịch có thẩm quyền để thực hiện việc thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2.4 Buộc bà Cao Thị N1, ông Cao Văn N, bà Cao Thị N2, bà Cao Thị L; ông Cao Văn U có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Công T ½ chi phí trưng cầu giám định là 16.750.000đ (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bà Cao Thị N1, ông Cao Văn N, bà Cao Thị N2, bà Cao Thị L, ông Cao Văn U chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền khi có đơn yêu cầu thi hành án, thì các ông bà trên còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị N1, ông Cao Văn N, bà Cao Thị N2, bà Cao Thị L; ông Cao Văn U mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Công T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/006302 ngày 15/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Công T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Công T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0038710 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND, Chi cục THADS quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp